

Số: 176/2021/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn
2022 - 2025 tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy
phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 276/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ
chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa
phương giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1142/BC-
KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết về việc quy định phân cấp nguồn
thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân
sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2022 - 2025

1. Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phải phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và năng lực quản lý của mỗi cấp chính quyền địa phương trên địa bàn. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh để thực hiện cơ chế, chính sách chung của tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển đồng đều kinh tế - xã hội giữa các địa phương, các khu vực trong tỉnh.

3. Phát huy việc nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu và khai thác tốt nguồn thu mới, để tăng thu ngân sách, tạo nguồn lực cho ngân sách các cấp thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

4. Đảm bảo phản ánh kịp thời, đầy đủ các khoản thu vào ngân sách nhà nước.

5. Gắn nguồn thu với nhiệm vụ chi, khả năng quản lý của từng cấp chính quyền địa phương theo hướng tăng cường phân cấp cho cơ sở; cấp nào quản lý tốt nguồn thu, có hiệu quả thì phân chia nguồn thu cho cấp ngân sách đó nhiều hơn; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp ngân sách.

6. Tăng cường phân cấp và phân chia tỷ lệ phần trăm (%) tối đa nguồn thu tại chỗ để thực hiện nhiệm vụ chi theo phân cấp, dành nguồn lực cho đầu tư phát triển, đặc biệt để hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Giảm dần số bổ sung trợ cấp cân đối từ ngân sách cấp trên, không để xảy ra tình trạng các xã, phường, thị trấn thu thừa cân đối chi nhưng không điều hòa chung cho các xã, phường, thị trấn khác khó khăn về nguồn thu.

7. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, để khuyến khích phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu; khuyến khích các cấp chính quyền địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách, không thực hiện điều chỉnh quản lý thu đối với các đơn vị nộp thuế giữa các cấp ngân sách.

8. Trong năm ngân sách, trường hợp các phường, thị trấn được thành lập từ xã, các xã đạt tiêu chí đô thị loại V thì tỷ lệ điều tiết được thực hiện như quy định với các xã đến hết năm ngân sách, để đảm bảo không ảnh hưởng tới điều tiết chung của các cấp ngân sách.

Điều 2. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước, thu khác về thuế của các doanh nghiệp Trung ương (DNTW), doanh nghiệp nhà nước địa phương (DNNNĐP), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNĐTNN), doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD) do cấp tỉnh quản lý thu.

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

c) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp tỉnh quản lý.

- d) Thuế bảo vệ môi trường.
- đ) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.
- e) Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu.
- g) Thu hoạt động sự nghiệp (thu hồi vốn ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ vốn góp của tỉnh) của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý.
- h) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thanh lý tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.
- i) Thu phạt vi phạm hành chính, tịch thu các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu.
- k) Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.
- l) Nguồn thu của các doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vĩnh viễn trên địa bàn tỉnh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu và nguồn thu của các doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vĩnh viễn liên huyện.
- m) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.
- n) Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển theo khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.
- o) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.
- p) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.
- q) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.
- r) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Các khoản thu phân chia của ngân sách tỉnh** (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:
- a) Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả thu trong khu kinh tế).
- b) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (bao gồm cả thu trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất).
- c) Thu tiền thuê mặt nước, mặt biển (bao gồm cả thu trong khu kinh tế).
- d) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và trước bạ khác trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.
- đ) Thu tiền bán tài sản công (đất và tài sản gắn liền với đất).
- e) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (thu tiền đấu giá, định giá quyền khai thác mỏ).
- g) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

h) Thu các khoản tiền chậm nộp còn lại.

i) Các khoản thu do nhà đầu tư đề xuất (M3) trong hồ sơ dự thầu các dự án đấu thầu quyền sử dụng đất.

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:

a) Thuế GTGT, TNDN, TTĐB, thu khác về thuế của các DNNQD trên địa bàn do cấp huyện quản lý thu.

b) Thuế tài nguyên DNTW, DNNNĐP, DNĐTNN, DNNQD do cấp tỉnh quản lý thu.

c) Thuế tài nguyên DNNQD do cấp huyện quản lý.

d) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả cấp huyện quản lý.

e) Thuế thu nhập cá nhân chuyên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thuế TNCN của các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế, biếu, tặng trong trường hợp không xác định được địa bàn xã nộp hoặc liên xã nhưng không phân định được.

g) Lệ phí môn bài thu từ DNTW, DNNNĐP, DNĐTNN, DNNQD.

h) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và lệ phí trước bạ khác trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (trừ thành phố Thanh Hóa).

i) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, khí thải.

k) Các khoản phí, lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp huyện tổ chức thu.

l) Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thanh lý tài sản; thu từ các hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị cấp huyện.

m) Thu phạt, tịch thu (trừ phạt tịch thu về thuế) các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp huyện thực hiện.

n) Nguồn thu của các doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vắng lai trên địa bàn tỉnh do các Chi cục Thuế khu vực quản lý thu.

o) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

p) Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

q) Thu bổ sung cân đối ngân sách; thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

r) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

s) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia của ngân sách cấp huyện (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:

a) Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước thu từ các hợp tác xã, kinh tế cá thể, hộ gia đình.

b) Thuế thu nhập cá nhân chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; thu từ các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế, biếu, tặng thu trên địa bàn xã, phường, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V (trừ trường hợp không xác định được địa bàn xã nộp hoặc liên xã nhưng không phân định được).

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở trên địa bàn phường; thuế sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

d) Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả thu trong khu kinh tế).

đ) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (bao gồm cả trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất).

e) Thu tiền thuê mặt nước, mặt biển (bao gồm cả thu trong khu kinh tế).

g) Lệ phí trước bạ nhà, đất; lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và trước bạ tài sản khác trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.

h) Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

i) Thu tiền bán tài sản công (đất và tài sản gắn liền với đất).

k) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

l) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

m) Thu các khoản tiền chậm nộp còn lại.

n) Các khoản thu do nhà đầu tư đề xuất (M3) trong hồ sơ dự thầu các dự án đấu thầu quyền sử dụng đất.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã)

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:

a) Thuế tài nguyên, thu khác về thuế, lệ phí môn bài từ các hợp tác xã, kinh tế cá thể, hộ gia đình.

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đối với đất ở) trên địa bàn xã, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V.

d) Các khoản phí, lệ phí do cấp xã tổ chức thu.

e) Thu từ hoạt động sự nghiệp do cấp xã quản lý.

g) Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thanh lý tài sản thuộc cấp xã quản lý.

h) Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản.

i) Thu phạt vi phạm hành chính, thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện.

k) Thu đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho cấp xã theo quy định.

l) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

m) Thu bổ sung cân đối; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

n) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

o) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia của ngân sách cấp xã (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế), gồm:

a) Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước thu từ các hợp tác xã, kinh tế cá thể, hộ gia đình.

b) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; thu từ các hộ cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế, biếu, tặng thu trên địa bàn xã, phường, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V.

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở trên địa bàn phường và thuế sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

d) Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả thu trong khu kinh tế).

đ) Thu tiền thuê mặt đất (trừ tiền thuê mặt đất trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất).

e) Thu tiền thuê mặt nước, mặt biển (trừ trong khu kinh tế).

g) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

h) Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

i) Thu tiền bán tài sản công (đất và tài sản gắn liền với đất) do cấp xã quản lý.

k) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

l) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

m) Thu các khoản tiền chậm nộp còn lại thuộc ngân sách cấp xã quản lý.

n) Các khoản khác theo quy định pháp luật.

Trong thời kỳ ổn định ngân sách, việc phân công, phân cấp quản lý thuế đối với doanh nghiệp của cơ quan thuế thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

(Có biểu tỷ lệ % phân chia các khoản thu kèm theo)

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý, bao gồm:

- Trụ sở các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh;

- Các trường công lập gồm: Trường đại học; cao đẳng; trung cấp; các trường dạy nghề; các trường trung học phổ thông, phổ thông hai cấp học; Trường dân tộc nội trú tỉnh; Trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh quản lý; trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện và các cơ sở giáo dục - đào tạo khác theo quy định;

- Các cơ sở y tế công lập gồm: Bệnh viện đa khoa và các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; bệnh viện đa khoa khu vực; bệnh viện đa khoa tuyến huyện, các trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện; trạm y tế xã, phường, thị trấn;

- Kênh thủy lợi cấp I, các công trình thủy lợi đầu mối tỉnh quản lý;

- Các công trình giao thông tỉnh quản lý;

- Các công trình kết cấu hạ tầng văn hóa thông tin, trùng tu tôn tạo di tích cấp quốc gia; di tích quốc gia đặc biệt; di sản văn hóa thế giới; các di tích do cấp tỉnh quản lý; công trình thể dục thể thao, phúc lợi xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Chi công tác quy hoạch, phát triển đô thị, công tác lập quy hoạch hai bên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh;

- Các chương trình, đề án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ.

b) Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Chi cấp vốn điều lệ cho các Quỹ ngân sách nhà nước được thành lập theo quy định.

d) Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh thực hiện.

đ) Chi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng từ nguồn huy động theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước; nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi đầu tư của Nhà nước.

e) Chi trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi) các khoản huy động theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

g) Các khoản chi đầu tư phát triển, chi hỗ trợ đầu tư khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định pháp luật.

b) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo công lập: Chi cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề, các hình thức bồi dưỡng; Chi giáo dục trung học phổ thông, trường phổ thông hai cấp học (trung học phổ thông và trung học cơ sở), trường dân tộc nội trú tỉnh và các hoạt động giáo dục đào tạo khác do cấp tỉnh quản lý.

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi cho các hoạt động phòng bệnh; chữa bệnh; phòng chống dịch; dân số - kế hoạch hóa gia đình; an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường và sự nghiệp y tế khác theo quy định.

d) Chi sự nghiệp văn hóa, du lịch, thông tin truyền thông: Chi cho bảo tồn, bảo tàng, thư viện, nghiên cứu lịch sử, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, chi hoạt động công nghệ thông tin, thông tin truyền thông khác do tỉnh quản lý.

đ) Chi sự nghiệp thể thao: Chi bồi dưỡng, tập huấn huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên, các cơ sở thi đấu thể dục thể thao, phát triển bóng đá trẻ, đào tạo năng khiếu các môn thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do tỉnh quản lý.

e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình công lập: Chi cho các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý.

g) Chi bảo đảm xã hội: Chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi cứu trợ xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do tỉnh quản lý.

h) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Chi nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do tỉnh quản lý.

i) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo đặc thù của địa phương và quy định của Chính phủ.

k) Các hoạt động kinh tế cấp tỉnh quản lý.

l) Chi sự nghiệp môi trường cấp tỉnh thực hiện.

m) Chi trả lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ các khoản vay theo quy định pháp luật.

n) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

o) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

p) Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

q) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do huyện quản lý theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, bao gồm:

- Trụ sở các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện quản lý;

- Các công trình kết cấu hạ tầng về văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, trùng tu tôn tạo di tích và các công trình phúc lợi xã hội khác thuộc cấp huyện quản lý;

- Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện quyết định;

- Chi đầu tư xây dựng các trường công lập: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Các khoản chi hỗ trợ đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;

- Chi cho công tác quy hoạch, phát triển đô thị, chi cho công tác lập quy hoạch hai bên các tuyến đường huyện, lập quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

b) Chi trả nợ (bao gồm cả gốc và lãi vay ngân sách cấp trên).

c) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các công trình do tỉnh đầu tư:

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới; hỗ trợ cải tạo nâng cấp trụ sở các cơ quan hành chính, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp huyện, cấp xã;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các cơ sở y tế công lập: Các bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế tuyến huyện, các trạm y tế tuyến xã;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới; hỗ trợ cải tạo nâng cấp các trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm bồi dưỡng chính trị, các trường trung cấp nghề và các trung tâm dạy nghề huyện quản lý; các trường Trung học phổ thông và các trường phổ thông hai cấp.

d) Chi hỗ trợ đầu tư các công trình cấp xã.

đ) Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu; nguồn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân; nguồn vốn viện trợ của các tổ chức nước ngoài cho ngân sách cấp huyện.

e) Chi đầu tư xây dựng cơ bản khác theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố ngoài các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển trên còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện) do cấp huyện quản lý theo quy định pháp luật.

b) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo công lập: Chi cho giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; trung tâm bồi dưỡng chính trị; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên do huyện quản lý.

c) Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh truyền hình, thông tin và truyền thông; chi hoạt động công nghệ thông tin do cấp huyện quản lý.

d) Chi sự nghiệp y tế: Mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.

đ) Chi bảo đảm xã hội: Chi trả trợ cấp cho các đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn; chi công tác xã hội khác theo quy định.

e) Chi các hoạt động kinh tế: Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do cấp huyện quản lý; duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi giao huyện quản lý; chi sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch làng nghề theo phân cấp cho huyện; chi quy hoạch và các nhiệm vụ chi phát triển kinh tế khác thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện; chi thực hiện các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất.

Chi kiến thiết thị chính: Chi trả tiền điện sáng; duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vườn thực vật, hồ điều hòa, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp kiến thiết thị chính khác.

g) Sự nghiệp môi trường: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn; cấp bù chi phí quét rác; thu gom vận chuyển và xử lý hợp vệ sinh rác thải và nước thải trên địa bàn.

h) Công tác quốc phòng:

- Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng trên địa bàn;

- Tổ chức huấn luyện và phối hợp diễn tập khu vực phòng thủ theo quy định;
- Công tác tuyên, giao quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về, công tác giáo dục quốc phòng;
- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ khác theo quy định;
- i) Chi công tác an ninh và trật tự, an toàn xã hội địa phương.
 - Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn huyện;
 - Hỗ trợ các hoạt động giữ gìn an ninh và trật tự, an toàn xã hội;
 - Chi hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy;
 - Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ khác theo quy định.
- k) Các huyện có đường biên giới và đường biên được bổ sung nhiệm vụ chi quản lý đường biên giới.
 - l) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do xã quản lý, bao gồm:
 - Trụ sở cơ quan hành chính, các công trình văn hóa, xã hội cấp xã quản lý;
 - Chi hỗ trợ xây dựng đường giao thông liên thôn, bản; đường giao thông, thủy lợi nội đồng.
- b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới và sửa chữa các công trình do cấp trên đầu tư: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; trạm y tế xã.
- c) Chi đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách cấp trên và các nguồn vốn khác theo phân cấp.
- d) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án theo quy định của pháp luật.
- e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo phân cấp hiện hành.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp do cấp xã quản lý theo quy định pháp luật.

b) Chi sự nghiệp giáo dục: Chi hỗ trợ hoạt động nhà trẻ, mẫu giáo; hỗ trợ các trường trung học cơ sở, trường tiểu học; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hội khuyến học.

c) Chi sự nghiệp y tế: Chi phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản.

d) Chi bảo đảm xã hội: Trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chi thăm hỏi các đối tượng chính sách, trợ giúp đột xuất và các hoạt động khác trên địa bàn xã.

đ) Chi hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao; chi hoạt động công nghệ thông tin.

e) Chi hoạt động phát thanh, truyền thanh.

g) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải.

h) Chi các hoạt động kinh tế: Hỗ trợ khuyến khích phát triển sự nghiệp kinh tế theo qui định như: Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi; chi cho khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư và các sự nghiệp kinh tế khác.

i) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng các công trình kiến trúc, tài sản, công trình phúc lợi, kết cấu hạ tầng do xã quản lý.

k) Chi nhiệm vụ an ninh quốc phòng địa phương: Chi tổ chức các hoạt động quân sự do xã quản lý:

- Chi hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy;

- Phụ cấp dân quân, tự vệ;

- Tổ chức hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ được giao và các hoạt động quốc phòng khác trên địa bàn xã.

l) Các xã có đường biên giới và có bờ biển, bổ sung thêm nhiệm vụ chi quản lý đường biên giới.

m) Chi chế độ công an viên, tổ dân phố; công tác an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; chi tổ chức các hoạt động an ninh địa phương cấp xã.

n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khoá XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH**Đỗ Trọng Hưng**

PHỤ LỤC

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3
1	Thuế GTGT, TNDN và TTĐB (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)			
1.1	Thu từ các Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp			
a	Doanh nghiệp Trung ương; Doanh nghiệp nhà nước địa phương; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu; Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất trên nhiều địa bàn; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp tỉnh quản lý thu.	100		
b	Các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý thu		100	
1.2	Các hợp tác xã; kinh tế cá thể; hộ gia đình			
a	Thu trên địa bàn thành phố, thị xã			
-	Thu trên địa bàn phường		90	10
-	Thu trên địa bàn xã		80	20
b	Thu trên địa bàn các huyện		40	60
2	Thuế Tài nguyên (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)			
2.1	Doanh nghiệp Trung ương; Doanh nghiệp nhà nước địa phương; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp tỉnh quản lý thu.		100	
2.2	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp huyện, thị, thành phố quản lý.		100	
2.3	Các hợp tác xã; kinh tế cá thể; hộ gia đình			100
3	Thu khác về thuế			
3.1	Thu từ các doanh nghiệp hoạt động theo luật Doanh nghiệp.			
a	Doanh nghiệp nhà nước địa phương; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh do cấp tỉnh quản lý thu.	100		



TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	I	2	3
b	Các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh (do cấp huyện, thị, thành phố quản lý thu)		100	
3.2	Các hợp tác xã; kinh tế cá thể; hộ gia đình			100
4	Thu hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)	100		
5	Thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)			
5.1	Khấu trừ qua đơn vị chi trả tỉnh quản lý	100		
5.2	Khấu trừ qua đơn vị chi trả huyện quản lý		100	
5.3	Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thuế TNCN của các hộ kinh doanh cá thể nộp thuế khoán ổn định; thừa kế; biếu tặng			
a	Trên địa bàn phường		90	10
b	Trên địa bàn các xã, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V		50	50
c	Trường hợp không xác định được địa bàn xã nộp (hoặc liên xã không phân định được)		100	
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
7.1	Đối với đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn			
a	Trên địa bàn phường		60	40
b	Trên địa bàn xã, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V			100
7.2	Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		80	20
8	Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả số thu trong khu kinh tế)			
	<i>Thu tiền sử dụng đất (bao gồm cả trong khu kinh tế): Sau khi thực hiện thanh toán chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chi phí khác có liên quan đến dự án (nếu có). Phần còn lại nộp ngân sách nhà nước và điều tiết các cấp ngân sách như sau:</i>			
8.1	Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn phường	50	40	10

TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại	50	35	15
8.2	Các huyện đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới:			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V	45	45	10
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại	45	30	25
8.3	Các huyện đang thực hiện xây dựng nông thôn mới và Thị xã Nghi Sơn (không bao gồm các huyện miền núi)			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn phường, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V	30	50	20
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã đang thực hiện xây dựng nông thôn mới		20	80
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại	30	40	30
8.4	Các huyện miền núi			
a	Các huyện núi thấp (Như Thanh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành)			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V	20	55	25
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã đang thực hiện xây dựng nông thôn mới		20	80
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại	20	40	40
b	Các huyện núi cao (Như Xuân, Quan Hóa, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân, Mường Lát và Quan Sơn)			
-	Dự án thực hiện trên địa bàn thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V		70	30
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã đang thực hiện xây dựng nông thôn mới		20	80
-	Dự án thực hiện trên địa bàn các xã còn lại		50	50
8.5	Thu nợ tại các khu tái định cư thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn được đầu tư từ ngân sách tỉnh	50	40	10
9	Tiền thuê mặt đất			
9.1	Thu tiền 01 lần cho cả thời gian thuê			

TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3
a	Trên địa bàn phường	70	30	
b	Trên địa bàn xã, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V	50	40	10
9.2	Thu tiền hàng năm			
a	Trên địa bàn phường	40	50	10
b	Trên địa bàn xã, thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V	40	40	20
9.3	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất	80	20	
10	Tiền thuê mặt nước, mặt biển	40	40	20
11	Thu tiền thuê mặt nước, mặt biển trong khu kinh tế	80	20	
12	Lệ phí môn bài			
12.1	Doanh nghiệp Trung ương; Doanh nghiệp nhà nước địa phương; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.		100	
12.2	Các hợp tác xã; kinh tế cá thể; hộ gia đình			100
13	Lệ phí trước bạ			
13.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất			
a	Trên địa bàn phường			
-	Thành phố		90	10
-	Thị xã		80	20
b	Trên địa bàn xã, thị trấn			
-	Trên địa bàn thị trấn, xã đạt tiêu chí đô thị loại V		70	30
-	Trên địa bàn xã		20	80
13.2	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và lệ phí trước bạ tài sản khác			
a	Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa	20	80	
b	Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (trừ thành phố Thanh Hóa)		100	
14	Thuế bảo vệ môi trường	100		
15	Phí bảo vệ môi trường			

TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3
15.1	Đối với nước thải công nghiệp	100		
15.2	Đối với nước thải sinh hoạt, khí thải		100	
15.3	Đối với hoạt động khai thác khoáng sản		70	30
16	Các loại phí, lệ phí khác			
16.1	Các đơn vị do tỉnh tổ chức thu	100		
16.2	Các đơn vị do huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu		100	
16.3	Các đơn vị xã, phường, thị trấn tổ chức thu			100
17	Thu từ hoạt động sự nghiệp			
17.1	Các đơn vị tỉnh quản lý	100		
17.2	Các đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý		100	
17.3	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý			100
18	Thu tiền cho thuê, bán nhà, thanh lý tài sản thuộc sở hữu nhà nước			
18.1	Các đơn vị tỉnh quản lý	100		
18.2	Các đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý		100	
18.3	Các đơn vị xã, phường, thị trấn quản lý			100
19	Thu tiền bán tài sản công (đất và tài sản gắn liền với đất)			
19.1	Thu tiền bán tài sản công thuộc sở hữu của địa phương			
a	Do cấp tỉnh quản lý	70	30	
b	Do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý	30	70	
c	Do cấp xã, phường, thị trấn quản lý	10	30	60
19.2	Thu tiền bán tài sản công thuộc sở hữu của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn	50		
20	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100
21	Thu khác ngân sách			
21.1	Thu phạt, tịch thu (trừ phạt tịch thu về thuế)			



TT	Danh mục các khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2	3
a	Cấp tỉnh thực hiện	100		
b	Cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện		100	
c	Cấp xã, phường, thị trấn thực hiện			100
21.2	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (thu tiền đấu giá, định giá quyền khai thác mỏ) bao gồm cả số chậm nộp			
a	Trung ương cấp giấy phép	10	10	10
b	Tỉnh cấp giấy phép	40	50	10
21.3	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước			
a	Trung ương cấp giấy phép	15	15	
b	Tỉnh cấp giấy phép	40	30	30
21.4	Thu các khoản tiền chậm nộp còn lại (chưa có tiêu mục cụ thể trong mục lục ngân sách)			
a	Các khoản tiền chậm nộp thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý thu	50	50	
b	Các khoản tiền chậm nộp thuộc ngân sách cấp huyện quản lý thu	50	50	
c	Các khoản tiền chậm nộp thuộc ngân sách cấp xã quản lý thu		50	50
21.5	Khoản thu do nhà đầu tư đề xuất (M3) trong hồ sơ dự thầu các dự án đấu thầu quyền sử dụng đất	80	20	
21.6	Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	100		
22	Nguồn thu của doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vãng lai trên địa bàn tỉnh			
a	Nguồn thu của doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vãng lai trên địa bàn tỉnh do Cục thuế tỉnh quản lý và nguồn thu của doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vãng lai liên huyện.	100		
b	Nguồn thu của doanh nghiệp tỉnh ngoài có công trình xây dựng vãng lai trên địa bàn tỉnh do chi Cục thuế khu vực quản lý.		100	